TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 711/2018/DS-ST
Ngày: 07/12/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Mạnh
2. Ông Nguyễn Đình Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Kim Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1821/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5589/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 5853/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV
Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường X, quận Y, thành phố H.
Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường Thịnh, sinh năm 1995 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền số 15533/2018/UQ-VPB ngày 07/7/2018.
Địa chỉ: Tầng 2, số 296 đường X, Phường 7, quận Y, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Trần Kim H, sinh năm 1987
Nơi cư trú: Số 1B đường Trần Đình Xu, phường X, Quận Y, Thành phố H.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn (Ngân hàng TMCP Việt Nam TV), có ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/6/2014, nguyên đơn đã phát hành cho bị đơn (Trần Kim H) thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng số 325-P-870429 ngày 02/7/2014, với hạn mức

13.000.000 đồng, lãi suất theo từng thời kỳ của hạng thẻ và theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/12/2014 của bị đơn, nguyên đơn đã cấp tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 2499344, ngày 27/12/2014 nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 85.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 27% năm, lãi suất cố định, mục đích vay tiêu dùng.

Sau khi được cấp tín dụng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đối với hợp đồng tín dụng số 325-P-870429, ngày 20/8/2014 và hợp đồng tín dụng số 2499344, ngày 31/3/2015 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn nên đã phát sinh lãi. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần thông báo bằng văn bản nhắc nhở yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2017, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 157.993196 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 325-P-870429 ngày 02/7/2014 là 16.752.330 đồng (gồm: Nợ gốc 7.000.000 đồng và lãi 9.752.330 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 27/12/2014 là 141.240.866 đồng (gồm: Nợ gốc 75.728.741 đồng và lãi 65.512.125 đồng).

* Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt. Đại diện nguyên đơn có ý kiến, để thuận tiện trong việc quản lý, mặc dù giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/6/2014 không thể hiện số hợp đồng, nhưng trên hệ thống nguyên đơn đã ấn định số hợp đồng là 325-P-870429 và tương tự đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/12/2014, số hợp đồng là 2499344 và xác định dư nợ tính đến ngày 07/12/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 198.198.705 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 325-P-870429 ngày 02/7/2014 là 16.745.878 đồng (gồm: Nợ gốc 6.301.626.000 đồng, lãi trong hạn 6.962.835 đồng, lãi quá hạn 3.481.417 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 27/12/2014 là 181.452.827 đồng (gồm: Nợ gốc 75.728.741 đồng, lãi trong hạn 82.979.424 đồng, lãi quá hạn 22.744.662 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có ký với nguyên đơn hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-870429 ngày 02/7/2014, được cấp thẻ MC2 Credit với hạn mức 13.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 22/12/2014 với số tiền vay 85.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ để xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Xét bị đơn đang cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

Căn cứ biên bản tống đạt về việc triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-870429 ngày 02/7/2014 và đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 22/12/2014, có chữ ký xác nhận giữa bên cho vay là nguyên đơn và bên vay là bị đơn thể hiện các bên đã thiết lập quan hệ tín dụng.

Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản thẻ MC2 Credit, hạn mức 13.000.000 đồng theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số

325-P-870429 ngày 02/7/2014 và căn cứ vào giấy lãnh tiền ngày 27/12/2014 với số tiền vay 85.000.000 đồng nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền đã thỏa thuận.

Căn cứ Điều 3, Điều 5 Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ phát hành theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-870429 ngày 02/7/2014 và đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 22/12/2014 thì bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thỏa thuận trong hợp đồng nhưng kể từ ngày 20/8/2014 đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-870429 và ngày 31/3/2015 hợp đồng tín dụng số 2499344, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên tính đến ngày 07/12/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 198.198.705 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 325-P-870429 ngày 02/7/2014 là 16.745.878 đồng (gồm: Nợ gốc 6.301.626.000 đồng, lãi trong hạn 6.962.835 đồng, lãi quá hạn 3.481.417 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 27/12/2014 là 181.452.827 đồng (gồm: Nợ gốc 75.728.741 đồng, lãi trong hạn 82.979.424 đồng, lãi quá hạn 22.744.662 đồng).

Xét, bị đơn đã không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ, lãi phát sinh theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân Quận 1 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến để lấy lời khai về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cũng như kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Kim H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền còn nợ của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và hợp đồng tín dụng tính đến ngày 07/12/2018 là 198.198.705 đồng (một trăm chín mươi tám triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ năm đồng), gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 325-P-870429 ngày 02/7/2014 là 16.745.878 đồng (mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng), (gồm: Nợ gốc 6.301.626.000 đồng, lãi trong hạn 6.962.835 đồng, lãi quá hạn 3.481.417 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 2499344 ngày 27/12/2014 là 181.452.827 đồng (một trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng), (gồm: Nợ gốc 75.728.741 đồng, lãi trong hạn 82.979.424 đồng, lãi quá hạn 22.744.662 đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Kim H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 08/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.909.935 đồng (chín triệu, chín trăm lẻ chín nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP Việt Nam TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.949.830 đồng (ba triệu chín trăm bốn mươi chín bốn nghìn tám trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0022103 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Ngân hàng TMCP Việt Nam TV có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Trần Kim H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp,

Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Q1;
- Chi cục THADS Q1;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân